



VAI TRÒ CỦA THÔNG TIN KẾ TOÁN ĐỐI VỚI CHỐNG TẨY XANH: THỰC TIỄN TẠI SINGAPORE VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG¹
- BUI THỊ HƯƠNG GIANG²
- TRẦN TRUNG KIÊN³
- LÊ THỊ NGỌC LINH⁴
- PHẠM QUỲNH MAI⁵
- NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG NGA⁶

Nghiên cứu này phân tích vai trò của kế toán bền vững trong việc ngăn chặn hành vi “tẩy xanh” (greenwashing) trong bối cảnh nền kinh tế tuần hoàn, đồng thời làm rõ cách thức hệ thống kế toán bền vững minh bạch giúp biến các cam kết ESG thành hành động có trách nhiệm và đo lường được. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn và phân tích tài liệu hệ thống kết hợp tham chiếu mô hình định lượng từ dữ liệu của 40 doanh nghiệp niêm yết tại Singapore năm 2024. Nền tảng lý luận của nghiên cứu được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa Lý thuyết Bất đối xứng Thông tin và Lý thuyết Phụ thuộc Tài nguyên (RDT). Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng kế toán bền vững là giải pháp nền tảng giúp giảm thiểu sự chênh lệch thông tin và hỗ trợ các bên liên quan phân biệt tính thực chất với tính biểu tượng trong các báo cáo phát triển bền vững. Việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế như GRI, ISSB và TCFD được xác định

^{1,2,4,5,6}Trường Kinh tế, Đại học Bách Khoa Hà Nội; ³Viện Toán - Tin, Đại học Bách Khoa Hà Nội; Email: dung.nguyenthiphuong1@hust.edu.vn

là công cụ then chốt để nâng cao chất lượng báo cáo và uy tín doanh nghiệp. Nghiên cứu khẳng định kế toán bền vững giúp giảm ràng buộc tài chính và chi phí nợ. Dựa trên các phát hiện này, nhóm đề xuất các khuyến nghị cho Việt Nam nhằm phát hiện, ngăn chặn hành vi “tẩy xanh” để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Từ khóa: Kế toán bền vững, Tẩy xanh, Kinh tế tuần hoàn.

JEL classification: M14, M41, Q56, Q34

<https://doi.org/10.65771/ati-jas.03202607>

1. Giới thiệu

Trong giai đoạn 2000-2025, trước diễn biến toàn cầu khó lường và các vấn đề về môi trường, các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc đã trở thành ưu tiên hàng đầu. Tại Việt Nam, theo Tổng cục Thống kê, tăng trưởng kinh tế quý I/2025 đạt 6,93%, mức cao nhất kể từ năm 2020. Sự phát triển này đi kèm với nhu cầu cấp thiết về hội nhập và thực hành khung tiêu chuẩn ESG. Theo PwC (2025) cho thấy có đến 89% doanh nghiệp Việt Nam đã hoặc đang có kế hoạch cam kết ESG trong tương lai gần. Tuy nhiên, song hành với xu hướng này là sự trỗi dậy của hiện tượng “tẩy xanh” - một rào cản lớn đối với các nỗ lực đạt được SDGs. Tẩy xanh là hành vi lợi dụng sự bất đối xứng thông tin để đưa ra các cam kết môi trường thiếu thực chất nhằm đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan nhưng không đi kèm hành động tương xứng. Do việc công bố thông tin ESG hiện nay vẫn mang tính tự nguyện và thiếu các tiêu chuẩn quy định thống nhất trên toàn cầu, doanh nghiệp dễ dàng thực hiện các hành vi “tẩy xanh” mà không phải đối mặt với các chế tài nghiêm ngặt.

Trong bối cảnh đó, kế toán bền vững được xác

định là thước đo để ngăn chặn hành vi “tẩy xanh”. Khác với truyền thống, kế toán bền vững yêu cầu dữ liệu ESG phải được xử lý với mức độ chi tiết như dữ liệu tài chính, đảm bảo các chỉ số được công bố chính xác. Thực tiễn Việt Nam còn nhiều hạn chế về dữ liệu thực nghiệm. Do đó, nghiên cứu này chọn Singapore - một quốc gia tiên phong trong việc áp dụng ESG làm tiêu chuẩn vận hành - làm mô hình tham chiếu. Thông qua việc phân tích dữ liệu từ 40 doanh nghiệp niêm yết tại Singapore năm 2024, nghiên cứu nhằm mục tiêu làm rõ vai trò của các chỉ số kế toán bền vững đối với hiệu suất ESG thực tế. Từ kết quả trên, nhóm nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy kế toán bền vững tại Việt Nam, góp phần xây dựng nền tảng minh bạch để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững thực thụ.

2. Tổng quan tài liệu

Khái niệm ESG

ESG (Environmental, Social, and Governance) là một khung đánh giá nhằm đo lường tính bền vững và trách nhiệm đối với môi trường, xã hội của doanh nghiệp.

Hình 1: Các cấu phần của ESG



Nguồn: Tài liệu Hội thảo thực hành ESG (2024)

E - Environmental (Môi trường): Đánh giá các hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến bảo vệ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên.

S - Social (Xã hội): Liên quan đến các yếu tố xã hội như bảo vệ quyền lợi người lao động, đa dạng và hòa nhập trong công việc, cũng như tác động của doanh nghiệp đến cộng đồng.

G - Governance (Quản trị): Đánh giá các yếu tố quản trị công ty, bao gồm tính minh bạch trong quản lý, đạo đức kinh doanh, và các quy trình ra quyết định trong doanh nghiệp.

Khái niệm “Tẩy xanh” và các biểu hiện phổ biến của hiện tượng “Tẩy xanh”

Tẩy xanh (greenwashing) là hiện tượng doanh nghiệp sử dụng hoạt động truyền thông hoặc công bố thông tin về môi trường và phát triển bền vững nhằm tạo dựng hình ảnh “xanh” hoặc có trách nhiệm xã hội, trong khi mức độ cam kết và hiệu quả thực tế không tương xứng, dẫn đến sự chênh lệch giữa thông tin công bố và hành vi thực tế của doanh nghiệp (Delmas & Burbano, 2011; Lyon & Montgomery, 2015)

Để xác định các dấu hiệu tẩy xanh, nghiên cứu dựa vào khuôn khổ “Seven Sins of Greenwashing” do TerraChoice (2007, 2009) đề xuất. Khuôn khổ này giúp hệ thống hóa những cách thức phổ biến mà doanh nghiệp sử dụng để truyền đạt thông tin môi trường gây hiểu lầm.

Bảng 1: Dấu hiệu hiện tượng tẩy xanh

Dấu hiệu tẩy xanh	Mô tả dấu hiệu	Biểu hiện trong báo cáo/doanh nghiệp
Đánh đổi tiềm ẩn	Nhấn mạnh một thuộc tính môi trường tích cực trong khi bỏ qua các tác động môi trường tiêu cực khác trong vòng đời sản phẩm	Chỉ đề cập vật liệu tái chế, tiết kiệm năng lượng... nhưng không công bố phát thải, tiêu thụ nước, hóa chất
Không có bằng chứng	Đưa ra tuyên bố môi trường mà không có dữ liệu, tài liệu chứng minh hoặc xác nhận bên thứ ba	Tuyên bố “tái chế 50%”, “giảm phát thải” nhưng không có số liệu hoặc báo cáo kiểm chứng
Mơ hồ	Sử dụng thuật ngữ chung chung, không có định nghĩa hay tiêu chí đo lường rõ ràng	Dùng các từ “xanh”, “thân thiện môi trường”, “tự nhiên” mà không giải thích cụ thể
Tôn sùng nhãn giả	Tạo hoặc sử dụng nhãn/chứng nhận không có cơ sở từ tổ chức độc lập	Biểu tượng “eco”, “green certified” do doanh nghiệp tự thiết kế
Không liên quan	Công bố thông tin đúng nhưng không còn ý nghĩa hoặc không phản ánh cải thiện môi trường	Nhấn mạnh “không chứa CFC” dù CFC đã bị cấm theo luật
Ít xấu hơn trong hai điều xấu	Đưa ra tuyên bố xanh cho nhóm sản phẩm vốn có tác động môi trường tiêu cực	“Thuốc lá hữu cơ”, “SUV tiết kiệm nhiên liệu”
Nói dối	Đưa ra tuyên bố môi trường sai sự thật	Tuyên bố có chứng nhận môi trường nhưng thực tế không tồn tại

Nguồn: “Seven Sins of Greenwashing” do TerraChoice (2007, 2009)

Kế toán bền vững và Hệ thống kế toán bền vững

Hệ thống thông tin kế toán không chỉ lưu trữ và cung cấp dữ liệu mà còn hỗ trợ quản trị chiến lược

và ra quyết định, giám sát, quản trị rủi ro. Trong khi, nhu cầu hiện nay của các doanh nghiệp là hệ thống đáp ứng quy định công bố mức tác động đến môi trường, xã hội nên hệ thống thông tin kế toán

bền vững ra đời (De Villiers & Maroun, 2018; GRI, 2016; PwC, 2025).

Kế toán bền vững là mở rộng hệ thống kế toán truyền thống, từ việc tập trung vào thông tin tài chính sang việc đo lường, phân tích các tác động kinh tế, môi trường và xã hội của tổ chức (De Villiers & Maroun, 2018; EY, 2025; GRI, 2016). Theo Spencer & Foo (2025) nhấn mạnh việc yêu cầu trách nhiệm hàng đầu của kế toán viên được coi là “tác nhân thay đổi”. Kế toán bền vững yêu cầu không chỉ kế toán viên mà còn đòi hỏi sự tham gia của các bên liên quan khác nhau áp dụng cùng mức độ nghiêm ngặt như dữ liệu tài chính đối với dữ liệu bền vững với những yêu cầu cụ thể. Việc xác định kế toán bền vững là sự mở rộng của kế toán truyền thống, từ chỉ phục vụ thị trường vốn sang giải trình với xã hội về tác động ESG là bước thiết lập mục tiêu giá trị dài hạn cho doanh nghiệp.

Để chuyển dịch từ mục tiêu dài hạn thành hành động cụ thể đòi hỏi phải thiết lập một hệ thống kế toán bền vững hoàn chỉnh. Trước hết, hệ thống kế toán bền vững là sự mở rộng của hệ thống kế toán truyền thống. Hệ thống ghi nhận, đo lường và công bố các yếu tố phi tài chính liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị (Dewhurst, 2023; Yu, Luu & Chen, 2020). Hệ thống kế toán bền vững hiện tập trung vào ba mặt chính: kinh tế, môi trường và xã hội. Để đảm bảo tính minh bạch toàn cầu, hệ thống yêu cầu các chuẩn mực bắt buộc ISSB (IFRS S1 và S2) hay TCFD, ngoài ra có các quy định về báo cáo tích hợp.

Chuẩn hóa báo cáo theo tiêu chuẩn quốc tế

Hệ thống kế toán bền vững đóng vai trò là cơ sở thiết yếu giúp doanh nghiệp chuyển dịch từ cam kết biểu tượng sang hành động thực chất nhưng vẫn cần một ngôn ngữ chung để chuẩn hóa việc công bố thông tin, nhằm gia tăng tính minh bạch và hạn chế tẩy xanh. Trong đó, Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) là một trong những tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi nhất, tạo ra ngôn ngữ chung cho các tổ chức nhằm tăng cường tính so sánh và minh bạch

về chất lượng thông tin. GRI hướng dẫn báo cáo theo mô hình ba chiều với kinh tế, môi trường và xã hội, cấu trúc tiêu chuẩn bao quát và bắt buộc với mọi tổ chức như GRI 100, GRI 102, GRI 103, GRI 200... (De Villiers & Maroun, 2018). Bên cạnh đó, Ủy ban Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế (ISSB) là 1 tiêu chuẩn toàn cầu được thành lập dưới sự bảo trợ của quỹ IFRS, đại diện cho sự phát triển mới nhất trong việc chuẩn hóa báo cáo. Theo EY (2025), trọng tâm tiêu chuẩn là IFRS S1 và IFRS S2.

3. Phương pháp nghiên cứu

Báo cáo này vận dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn và phân tích các tài liệu sẵn có để tổng hợp các nguồn dữ liệu, từ đó xây dựng cái nhìn toàn diện về mối quan hệ giữa kế toán và môi trường. Trọng tâm của nghiên cứu là làm sáng tỏ cơ chế tác động của thông tin kế toán đối với hành vi greenwashing (tẩy xanh) của doanh nghiệp.

Bài nghiên cứu tập trung chọn ra các doanh nghiệp niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán ở Singapore đã được bên thứ ba đánh giá ESG hiệu suất cũng như các công ty đã công bố các chỉ số kế toán bền vững qua các báo cáo. Những năm gần đây nhiều doanh nghiệp Singapore đã tích hợp các chỉ số E - S - G trong các báo cáo thường niên như Annual Report, Sustainability Report, ESG Report... và do đó đây là thị trường cực kì phát triển các mô hình ESG, sẽ có nhiều cơ hội để tiếp cận các thông tin kế toán bền vững. Mẫu nghiên cứu hiện tại sẽ chỉ giới hạn ở 40 công ty Singapore. Các công ty không công bố hoặc thiếu quá nhiều dữ liệu ESG hoặc kế toán bền vững thiết yếu cho mô hình nghiên cứu sẽ bị loại khỏi mẫu, lọc ra những doanh nghiệp có đủ các thông tin dữ liệu cần thiết.

Các biến sẽ được chia ra hai loại khi chạy mô hình hồi quy. Biến phụ thuộc là ESG hiệu suất, biến giải thích sẽ là các chỉ số kế toán bền vững có trong báo cáo doanh nghiệp, đánh giá xem các biến kế toán ảnh hưởng như thế nào đến biến phụ thuộc. Các biến phụ thuộc ở đây lấy dữ liệu từ tổ chức bên thứ 3 đã đánh giá doanh nghiệp, cụ thể là LSEG Data & Analytics (LESG) còn các biến giải thích

thì được thu thập từ các bài báo cáo thường niên, báo cáo bền vững hoặc báo cáo ESG năm 2024. Bên cạnh đó vài biến cũng phải biến đổi logarit tự nhiên, vì một số công ty nguồn lực lớn hơn gây

sự chênh lệch cao. Hiện tại báo cáo này sẽ chỉ tập trung xoay quay các biến đã đề cập trên. Các định nghĩa và kí hiệu cụ thể của từng biến sẽ được giải thích ở bảng 2 sau.

Bảng 2: Giải thích các biến

Tên biến	Ký hiệu	Định nghĩa
ESG hiệu quả	EP	Mức độ phát triển bền vững doanh nghiệp dựa trên 3 tiêu chí E-S-G.
Scope 1 (tCO2)	SC1	Khí nhà kính phát thải trực tiếp từ nguồn trong doanh nghiệp.
Scope 2 (tCO2)	SC2	Khí nhà kính phát thải gián tiếp từ năng lượng mua vào doanh nghiệp.
Tổng năng lượng tiêu thụ (GJ)	EG	Toàn bộ năng lượng doanh nghiệp đã sử dụng trong năm.
Chất thải (tấn)	WS	Lượng chất thải doanh nghiệp tạo ra trong năm
Tỷ lệ lao động nữ (%)	FE	Phần trăm tất cả lao động nữ trong doanh nghiệp.
Mức an toàn lao động	TRIR	Số vụ tai nạn lao động được ghi nhận trên mỗi 200.000 giờ làm việc
Quy mô hội đồng quản trị (người)	Board	Số lượng người trong hội đồng quản trị.

Lưu ý: Ở đây sẽ logarit tự nhiên các biến là SC1, SC2, EG và WS để đảm bảo ổn định khi xây dựng mô hình. Và tất các đều là biến định lượng, không sử dụng biến giả.

Các biến SC1, SC2, EG và WS được lựa chọn để đại diện cho khía cạnh môi trường vì phản ánh trực tiếp hoạt động phát thải và sử dụng tài nguyên của doanh nghiệp. Các biến TRIR và FE đại diện cho khía cạnh xã hội, thể hiện điều kiện lao động và yếu tố con người. Biến Board được đưa vào nhằm phản ánh yếu tố quản trị. Việc lựa chọn các biến này nhằm bao quát đầy đủ ba trụ cột ESG trong mô hình nghiên cứu.

Bảng 3: Thống kê mô tả các biến

Tên biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Min	Trung vị	Max
EP	40	54	15.56	18	55	81
SC1	40	1114622	3299661.31	17	20518	17140000
SC2	40	233971	609641.89	252	68429	3800000

4. Xây dựng mô hình nghiên cứu và kết quả

Sau đây là mô hình hồi quy tuyến tính bội, đánh giá sự liên kết giữa các biến kế toán bền vững với điểm hiệu suất ESG.

$$EP = \beta_0 + \beta_1 SC_1 + \beta_2 SC_2 + \beta_3 EG + \beta_4 WS + \beta_5 FE + \beta_6 TRIR + \beta_7 Board + \varepsilon$$

với β_i tương ứng mỗi hệ số hồi quy của mỗi biến giải thích.

Thống kê mô tả

Thống kê mô tả dữ liệu gốc, khi chưa áp dụng logarit tự nhiên các biến là SC1, SC2, EG và WS.

EG	40	5342103	18263221.18	13296	597770	93611000
WS	40	317837	859876.50	98	14307	3708735
FE	40	0.405	0.163	0.1	0.45	0.76
TRIR	40	0.658	0.797	0	0.445	3.50
Board	40	9.175	2.024	5	9	13

Từ bảng trên, thấy rằng các biến môi trường (SC1, SC2, EG, WS) có độ lệch chuẩn rất lớn, cho thấy sự khác biệt mạnh giữa các doanh nghiệp. Ngược lại, các biến xã hội và quản trị (FE, TRIR,

Board) ổn định hơn, ít biến động. Tóm lại, dữ liệu phân tán mạnh ở môi trường nhưng khá đồng đều ở xã hội và quản trị.

Kết quả và Thảo luận

Bảng 4: Kết quả hồi quy bội

	Coefficients	Standard Error	t Stat	P-value
Intercept	1.911	27.468	0.070	0.945
SC1	0.061	0.843	0.072	0.943
SC2	1.012	1.159	0.873	0.389
EG	1.790	1.688	1.061	0.297
WS	-1.370	1.265	-1.083	0.287
FE	0.087	0.178	0.488	0.629
TRIR	-2.316	3.091	-0.749	0.459
Board	3.093	1.252	2.470	0.019

Trong bộ dữ liệu mà nhóm thu thập thì giả thuyết này đáng tin cậy. Kết quả hồi quy thấy rằng các biến giải thích không có ý nghĩa ở mức 5% do các P-value lớn so với 0.05, điều có thể lý giải bởi hạn chế về số lượng quan sát và cũng như do sự phân tán dữ liệu không đều, mặc dù dấu của các hệ số hồi quy tương đối phù hợp. Tuy nhiên, chỉ có biến Board (Quy mô hội đồng quản trị) có ý nghĩa. Nhưng nếu nghĩ theo hướng “tẩy xanh” khi áp dụng với mô hình này thì việc các chỉ số kế toán bền vững không có liên kết mạnh với với điểm ESG đã được đánh giá bởi tổ chức môi trường uy tín, điều này cũng có thể nhằm gợi ý về việc các công ty có thể đưa ra các chỉ số môi trường không hợp lý, không phản ánh đúng với kết quả trên.

Kết quả hồi quy cho thấy các biến môi trường và xã hội (SC1, SC2, EG, WS, TRIR, FE) không có ý nghĩa thống kê, có thể do thông tin được công bố chưa phản ánh hiệu quả thực chất hoặc

thiếu nhất quán giữa các doanh nghiệp. Điều này hàm ý rằng các chỉ tiêu này chưa đủ sức giải thích biến phụ thuộc, thậm chí có thể tồn tại dấu hiệu “greenwashing”. Ngược lại, biến Board có tác động tích cực và có ý nghĩa, ảnh hưởng rõ ràng hơn đến kết quả trong mô hình. Tóm lại mô hình là khả thi, do đó nghiên cứu nên được phát triển thêm và xem xét tỉ mỉ.

Ngoài ra với biến Board có ý nghĩa thống kê, cho thấy chính hội đồng quản trị, có chức năng giám sát và định hướng minh bạch là yếu tố giúp chuyển hóa thông tin kế toán thành công cụ phục vụ giám sát, nâng cao trách nhiệm giải trình và nhận thức xanh, qua đó gián tiếp khẳng định các vai trò.

Yếu tố tăng cường vai trò của Thông tin Kế toán

Bảng 5 dưới đây trình bày tổng hợp về phân tích vai trò các yếu tố trong hệ thống thông tin kế toán để giúp cho việc hạn chế tẩy xanh trong nền kinh tế tuần hoàn.

Bảng 5. Các yếu tố tăng cường vai trò của hệ thống thông tin kế toán

Yếu tố	Vai trò
Thiết lập hệ thống giám sát tài trợ xanh toàn diện	Chính phủ nên xây dựng hệ thống theo dõi toàn diện, linh hoạt để đánh giá hiệu quả của vốn trợ cấp sau khi được cấp, tăng cường kiểm tra việc sử dụng quỹ của các tổ chức nhận tài trợ xanh, điều này đảm bảo khoản tài trợ xanh được sử dụng đúng mục đích, không có cơ hội thực hiện hành vi tẩy xanh (M. Zhong et al, 2025).
Tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình công khai	Các công ty có vốn hóa lớn tại Việt Nam cần phải tuân thủ tiêu chuẩn công bố thông tin quốc tế nếu công ty đó được niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch quốc tế lớn. Điều đó làm doanh nghiệp có động lực giảm tẩy xanh bằng sự tăng cường giám sát quốc tế (Yu và cộng sự, 2020). Không chỉ doanh nghiệp, chính phủ cần minh bạch thông tin bằng cách công khai thông tin chi tiết về mục đích và số lượng các khoản trợ cấp để công chúng, các nhà truyền thông và các nhà phân tích có thể giám sát tính chính xác của thông tin, qua đó giảm nguy cơ tẩy xanh (M. Zhong et al , 2025).
Nhận thức xanh của ban điều hành	Giúp thắt chặt mối quan hệ giữa minh bạch thông tin và hành vi tẩy xanh Đội ngũ lãnh đạo nhận thức được sâu sắc các vấn đề về môi trường sẽ có xu hướng thúc đẩy việc công bố thông tin kế toán môi trường một cách chi tiết, chính xác và đồng nhất đảm bảo các hoạt động ESG được triển khai trên thực tế, không mang tính ngụy tạo xây dựng hình ảnh doanh nghiệp “xanh” thân thiện với môi trường. Các doanh nghiệp có đội ngũ ban lãnh đạo đưa ra chiến lược định hướng bền vững thường ít thực hiện tẩy xanh và duy trì mức độ công bố thông tin minh bạch cao hơn trong báo cáo ESG theo nghiên cứu của (Boiral & Henri, 2015) và (Lyon & Montgomery, 2015) đã chứng minh. Ngoài ra, lãnh đạo có nhận thức xanh đóng góp tích cực vào đạo đức doanh nghiệp và giảm thiểu các hành vi tẩy xanh.
	Cơ cấu quản trị của doanh nghiệp và ban điều hành có nhiều kinh nghiệm sẽ ảnh hưởng lớn đến chất lượng công bố thông tin Ban điều hành đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản trị bền vững hoặc hiểu rõ các tiêu chuẩn ESG thường xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ giúp giám sát và báo cáo các chỉ số môi trường một cách nhất quán và có độ tin cậy cao. Các doanh nghiệp có ban điều hành nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực ESG và các thông tin kế toán của doanh nghiệp mang tính xác thực cao thường có mức rủi ro tài chính thấp hơn trong ngắn hạn và dài hạn. Nghiên cứu của (Peters & Romi, 2015) cũng chỉ ra rằng cơ chế quản trị của doanh nghiệp mạnh sẽ giúp cải thiện chất lượng báo cáo môi trường và giảm khả năng doanh nghiệp bị nghi ngờ thực hiện hành vi tẩy xanh.
	Văn hóa và cam kết của doanh nghiệp về trách nhiệm xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hiệu quả của thông tin kế toán môi trường Doanh nghiệp có văn hóa bền vững, có trách nhiệm đối với các vấn đề xã hội thường duy trì mức độ công bố thông tin một cách ổn định và trung thực các hoạt động ESG trong báo cáo hơn. Trên thực tế, những doanh nghiệp có văn hóa bền vững lâu dài không chỉ công bố thông tin ESG một cách nhất quán hơn mà độ uy tín cũng cao hơn. (Albuquerque et. 2019) nhấn mạnh việc cam kết về trách nhiệm xã hội giúp doanh nghiệp xây dựng một hình ảnh đáng tin cậy, giảm thiểu rủi ro tài chính và tránh hành vi tẩy xanh.

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

5. Một số khuyến nghị đối với Việt Nam

Dựa vào kết quả nghiên cứu tại Singapore ở trên, nghiên cứu đề ra các giải pháp thúc đẩy thông tin kế toán bền vững tại Việt Nam. Trong thị trường kinh tế ngày càng đang mở rộng, hướng đến nền kinh tế tuần hoàn, các nhà kế toán cần phải nâng cao các kỹ năng của bản thân để đáp ứng không chỉ các tiêu chuẩn ESG mà còn hướng tới tài chính bền vững. Việc kế toán dần thân vào phân tích kinh doanh ESG sẽ hỗ trợ doanh nghiệp, các nhà quản lý, trường nhóm dự án về đầu tư và dự đoán nguồn lợi nhuận theo môi trường ESG lựa chọn, cũng như quản trị rủi ro và kiểm soát tốt dòng tiền. Nhà kế toán số hóa được các công bố ESG, mô tả là tất cả các loại thông tin thành ngôn ngữ kỹ thuật số, xem xét toàn diện từ có cấu hình nguồn lực sao cho phù hợp chỉ chỉ tiêu số ESG, nắm bắt được năng lực tốt trong đề xuất các khả năng hành động nhận biết đầu là rủi ro, mối đe dọa.

Nhà nước Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế tuần hoàn cũng nên tập trung về vấn đề tẩy xanh, đưa ra cơ chế xử phạt đối với rủi ro ESG thực chất cao để hạn chế tẩy xanh lâu dài quá tiêu cực, yêu cầu tẩy xanh khi mức vừa phải để hỗ trợ cho doanh nghiệp. Ngoài ra, hiệu suất ESG “đẹp” cũng sẽ không được công nhận, nếu báo cáo tài chính, sự cố xử lý hay nợ tăng cao hoặc lợi nhuận giảm, cho thấy sự mâu thuẫn thì sẽ bị áp dụng hình phạt. Việc làm tốt truyền thông công bố thông tin tương tác trong nội bộ doanh nghiệp, kế toán tham gia để kiểm tra giám sát thông tin báo cáo đảm bảo chặt chẽ hiệu quả. Sử dụng chính sách kế toán kiểm soát thông tin không chỉ giúp Nhà nước giám sát

bền vững, doanh nghiệp cũng sẽ tối ưu các chi phí trong thông tin, hạn chế tẩy xanh.

Kết luận

Thông tin kế toán bền vững đóng vai trò là công cụ giám sát và điều chỉnh hành vi doanh nghiệp, đồng thời là thước đo chuẩn hóa nhằm hạn chế hành vi “tẩy xanh” - một rào cản lớn đối với việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs). Tác động này được thực hiện chủ yếu thông qua ba cơ chế: (i) giảm bất đối xứng thông tin nhờ áp dụng các chuẩn mực quốc tế như GRI, TCFD, ISSB, qua đó nâng cao tính minh bạch, khả năng so sánh và trách nhiệm giải trình về tác động môi trường - xã hội; (ii) giảm ràng buộc tài chính khi thông tin ESG chất lượng cao phản ánh cam kết bền vững thực chất, giúp các bên cho vay đánh giá rủi ro chính xác hơn, cải thiện khả năng tiếp cận vốn và giảm chi phí nợ; và (iii) tăng độ tin cậy bằng cách gắn các tuyên bố xanh với bằng chứng tài chính, qua đó phát hiện và hạn chế các mâu thuẫn giữa hiệu suất ESG được công bố và tình hình tài chính thực tế. Tuy nhiên, các nghiên cứu gần đây cho thấy khoảng cách đáng kể giữa lý thuyết và hiệu suất bền vững thực tiễn, do thiếu các công cụ đo lường ESG hiệu quả và sự hạn chế của kế toán truyền thống trong việc phản ánh tính bền vững. Điều này cho thấy sự cần thiết phải xây dựng một khuôn khổ đo lường toàn diện, chính xác và có chuẩn mực quốc tế, nhằm biến thông tin kế toán thành công cụ bắt buộc, tạo lập hệ sinh thái thông tin minh bạch - nền tảng then chốt để thu hút dòng vốn đầu tư xanh và hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Albuquerque, R., Koskinen, Y., & Zhang, C. (2019). Corporate Social Responsibility and Firm Risk: Theory and Empirical Evidence. *Management Science*, 65, 4451-4469. <https://doi.org/10.1287/mnsc.2018.3043>;
2. Boiral, O., & Henri, J.-F. (2015). Is sustainability performance comparable? A study of GRI reports of mining organizations. *Business & Society*, 56(2), 283-317;
3. Delmas, M. A., & Burbano, V. C. (2011). The drivers of greenwashing. *California Management Review*, 54(1), 64-87. <https://doi.org/10.1525/cm.2011.54.1.64>;

4. De Villiers, C., & Maroun, W. (Eds.). (2018). *Sustainability accounting and integrated reporting*. Routledge;
5. Dewhurst, H. (2023). Mother of All Sustainability Reporting Standards Unveiled [Về chuẩn mực IFRS S1 & S2]. Bloomberg Finance L.P;
6. Chen, S., & Qiu, X. (2025). Managerial short-termism and corporate litigation: The moderating role of accounting information quality. *Finance Research Letters*, 86, 108639. <https://doi.org/10.1016/j.frl.2025.108639>;
7. Gregory, R. P. (2024). How greenwashing affects firm risk: An international perspective. *Journal of Risk and Financial Management*, 17(11), 526. <https://doi.org/10.3390/jrfm17110526>;
8. Global Reporting Initiative (GRI). (2016). *Consolidated set of GRI sustainability reporting standards*. <https://www.globalreporting.org/standards/gri-standards-download-center/>;
9. Hu, P., Li, X., Li, N., Wang, Y., & Wang, D. D. (2024). Peeking into corporate greenwashing through the readability of ESG disclosures. *Sustainability*, 16(6), 2571. <https://doi.org/10.3390/su16062571>;
10. Lyon, T. P., & Montgomery, A. W. (2015). The means and end of greenwash. *Organization & Environment*, 28(2), 223-249. <https://doi.org/10.1177/1086026615575332>;
11. Niu, F., Luo, Z., & Mu, Y. (2025). How do enterprises deal with environmental protection “fee-to-tax” reform? Evidence from ESG information greenwashing in China. *International Review of Economics and Finance*, 104, 104657. <https://doi.org/10.1016/j.iref.2025.104657>;
12. Rong, X., & Kim, M.-I. (2024). ESG and the cost of debt: Role of media coverage. *Sustainability*, 16(12), 4993. <https://doi.org/10.3390/su16124993>;
13. Yu, E. P.-y., Luu, B. V., & Chen, C. H. (2020). Greenwashing in environmental, social and governance disclosures. *Research in International Business and Finance*, 52, 101192. <https://doi.org/10.1016/j.ribaf.2020.101192>;
14. Zhong, M., Niu, Z., Zhu, Y., & Li, R. (2025). Government green subsidies and corporate ESG greenwashing: Evidence from China. *Economic Analysis and Policy*, 88, 1321-1346. <https://doi.org/10.1016/j.eap.2025.10.030>;
15. Yao, Q. (2025). Greenwashing and cost of debt: Analyzing the impact of ESG disclosure quality in Chinese listed companies. Trong H. Luo et al. (Eds.), *Proceedings of 2024 6th International Conference on Economic Management and Cultural Industry (ICEMCI 2024)* (Vol. 316, pp. 161-169). Atlantis Press. https://doi.org/10.2991/978-94-6463-642-0_17;
16. PwC. (2025). *Financial statement presentation* (Guide). https://viewpoint.pwc.com/dt/us/en/pwc/accounting_guides/financial_statement_presentation/financial_statement_presentation.html;
17. Peters, G., & Romi, A. (2015). The Association between Sustainability Governance Characteristics and the Assurance of Corporate Sustainability Reports. *AUDITING: A Journal of Practice & Theory*, 34, 163-198. <https://doi.org/10.2308/ajpt-50849>;
18. Abrol, P. (2025, October 30). *Reporting to net zero: The foundation for transparent green finance* [Tài liệu trình bày]. 24th AFA Conference, Hanoi;
19. Spencer, R., & Foo, K. (2025). *Tài chính xanh trong thực tiễn: Chuyển đổi hướng tới một tương lai bền vững* [Tài liệu trình bày]. ICAEW & KPMG;
20. TerraChoice Environmental Marketing Inc. (2007). *The seven sins of greenwashing*. TerraChoice Environmental Marketing Inc;
21. TerraChoice Environmental Marketing Inc. (2009). *The seven sins of greenwashing: Environmental claims in consumer markets*. TerraChoice Environmental Marketing Inc;
22. EY. (2025). *Tương lai việc làm và kỹ năng của ngành Tài chính & Kế toán trong xu thế AI và ESG*.

Ngày nhận bài: 03/02/2026
 Ngày chỉnh sửa: 05/02/2026
 Ngày duyệt đăng: 12/03/2026